

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2022/HS-PT  
Ngày: 27 - 7 -2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Tân.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũng;  
Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** ông Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2022/TLPT-HS, ngày 05 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo N. T. T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST, ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị cáo có kháng cáo:*

1. **N. T. T. T**, sinh năm 1971, tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp H. N, xã T. T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: nội trợ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; con ông N. V. M và bà L. T. B. H có chồng Đ. V. K và 03 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

2. **P. V. Đ (C. Đ)**, sinh năm 1978, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp H. N, xã T. T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông P. V K (chết) và bà T. T. S, có vợ D. T. L và 01 con sinh năm 1998; tiền án: ngày 27/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 7.000.000đ, về tội “Đánh bạc”. Bị cáo chưa nộp tiền, tiền sự: ngày 28/01/2021, bị Công an xã T. T. T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000đ, về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt xong;

Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

3. **L. V. V**, sinh năm 1962, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp H. N, xã T. T. T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: chạy xe honda khách; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh ; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông L. V. S (chết) và bà P. T. M có vợ P. T. L ly hôn và 02 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1989; tiền án: không; tiền sự: ngày 28/01/2021, bị Công an xã T. T. T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000đ, về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt xong; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

4. **N. H. N**, sinh năm 1976, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp H. N, xã T. T. T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh ; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông N. V. M và bà L. T. B. H có vợ T. T. N. T (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: ngày 20/8/2020, bị Công an xã T. T ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền là 1.500.000đ, về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt xong; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

5. **N. V. L**, sinh năm 1984, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp H. N, xã T. T. T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông N. V. H (chết) và bà N. T. H có vợ N. T. B. T và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

6. **N. T. H**, sinh năm 1985, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp T. T, xã T. H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông N. V. B. A và bà T. T. H có vợ N. T. V và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

7. **N. D. L**, sinh năm 1977, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp P. T, thị trấn V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: thợ hồ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông N. V. L (chết) và bà N. T. L (chết); vợ P. N. M có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng khác Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ đến 11 giờ ngày 03/6/2021, các đối tượng: L. V. V, P. V. T, P. V. Đ, N. V. L, T. B. D, N. D. L, N. K. K, N. T. H lần lượt đến nhà của N. T. T để chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 12 giờ 30 phút, T đưa bộ bài tây 52 lá cho những người có mặt; tất cả ngồi xuống nền gạch nhà sau của T; hình thức chơi bài là đánh ngẫu hăm, trong đó mỗi tụ đặt tiền từ 50.000đ đến 200.000đ, các

tự làm cái xoay vòng với nhau, nếu tự nào không làm cái thì bỏ cái. T quy định ai làm cái thắng thì đưa tiền xâu cho Thảo là 50.000đ và ai làm cái thua thì đưa cho T tiền xâu từ 20.000đ đến 30.000đ. Ngoài các đối tượng trên thì còn có: P. T. M, N. V. T. B. T, N. H. N, L. T. L, N. V. H, P. V. T và N. T. T. T tham gia kê tiền vào các tụ bài với số tiền từ 50.000đ đến 100.000đ.

Đến khoảng 14 giờ 20 phút, Đội Cảnh sát hình sự - Công an huyện V kết hợp với Công an xã T. T. T, tiến hành kiểm tra và đã phát hiện bắt quả tang.

Qua điều tra đã xác định, các đối tượng trên đã đánh bạc thắng thua như sau:

1. N. T. T. T đã dùng 150.000đ để đánh bạc và thua hết. Đã thu giữ của T số tiền 2.200.000đ trong đó có 250.000đ là tiền T đã lấy tiền xâu của người chơi bài.

2. L. V. V dùng số tiền 800.000đ để đánh bạc, thua số tiền 200.000đ, bị tạm giữ số tiền 600.000đ.

3. P. V. Đ dùng số tiền 900.000đ để đánh bạc, và đã thua hết, còn bị tạm giữ số tiền là 300.000đ.

4. N. V. L dùng số tiền 800.000đ để đánh bạc, thua số tiền là 750.000đ, bị tạm giữ 50.000đ.

5. P. V. T dùng số tiền 1.160.000đ để đánh bạc, chơi không thắng thua; số tiền 160.000đ trên chiếu bạc bị thu giữ; ngoài ra còn thu giữ của T số tiền 4.000.000đ, trong đó có 1.000.000đ dùng vào việc đánh bạc.

6. T. B. D dùng số tiền 500.000đ để đánh bạc, thua số tiền 300.000đ, bị tạm giữ 200.000đ.

7. N. D. L dùng số tiền 500.000đ để đánh bạc và đã thua hết.

8. N. K. K dùng số tiền 100.000đ để đánh bạc và thắng được 400.000đ, K bị tạm giữ số tiền 1.000.000đ trong đó có 400.000đ tiền thắng bạc.

9. N. T. H dùng số tiền 450.000đ để đánh bạc, thua số tiền 300.000đ bị tạm giữ số tiền 1.150.000đ.

10. P. T. M dùng số tiền 200.000đ để đánh bạc, chơi không thắng thua, bị tạm giữ số tiền 1.300.000đ.

11. N. V. T. B. T dùng số tiền 300.000đ để đánh bạc, thua số tiền 100.000đ; bị tạm giữ số tiền 700.000đ.

12. N. H. N dùng số tiền 200.000đ để đánh bạc và đã thua hết, bị tạm giữ số tiền 1.000.000đ.

13. L. T. L dùng số tiền 200.000đ để đánh bạc, thắng được 100.000đ, bị tạm giữ số tiền 1.300.000đ.

14. N. V. H dùng số tiền 600.000đ để đánh bạc, thua số tiền là 100.000đ, bị tạm giữ số tiền 1.100.000đ.

15. P. V. T dùng số tiền 500.000đ để đánh bạc, thua 300.000đ, bị giữ số tiền 200.000đ.

Như vậy, tổng số tiền mà những người trên dùng để đánh bạc là 7.360.000đ (bảy triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Vật chứng thu giữ gồm: 45 lá bài tây; số tiền 17.250.000đ, trong đó: tiền thu trên chiếu bạc là 2.150.000đ và số tiền thu trên người các đối tượng là 15.100.000đ (trong đó tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 7.360.000đ)

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo: L. V. V, P. V. Đ (C. Đ), N. V. L, N. D. L, N. T. H, N. H. N phạm tội “Đánh bạc” và bị cáo N. T. T. T phạm tội “Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc”;

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* Bị cáo N. T. T. T: 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” và 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 03 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* Bị cáo L. V. V: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* Bị cáo P. V. Đ (C. Đ): 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* Bị cáo N. H. N: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* Bị cáo N. D. L: 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* Bị cáo N. V. L: 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* Bị cáo N. T. H: 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt tù 06 tháng tù đối với các bị cáo P. T. M, V. T. B. T, L. T. L, N. K. K, P. V. T, P. V. T, N. V. H, T. B. D. và quyết định đối với xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 04,05 và 12/4/2022 các bị cáo Lê Văn Việt, N. D. L, N. T. H, N. V. L có đơn kháng cáo nội dung: xin được hưởng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngày 08/4/2022 các bị cáo N. T. T. T, P. V. Đ, N. H. N có đơn kháng cáo nội dung: xin được giảm nhẹ phạt tù và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, các bị cáo trình bày như sau:

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* trên cơ sở lời khai của các bị cáo và đối chiếu lại tất cả tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và các tình tiết mới tại phiên tòa để từ đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên một bản án chính thức

cho từng bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo chưa biết hối cải, bị cáo T cho rằng trong quá trình điều tra bị cáo sợ quá bị cáo khai, nhưng thực tế là lời khai của bị cáo T và các bị cáo khác là hoàn toàn phù hợp với nhau, còn bị cáo N còn đổ lỗi cho một người khác cho 200.000 đồng, để tham gia ké để đánh bài để kiếm thùng bia để nhậu; đó là hành vi gian dối là không thể chấp nhận được và có bị cáo V gia đình bị cáo có nhiều người tham gia đánh bạc và đã bị xử lý tù có, tù treo có và bị cáo có một tiền sự bị cáo lớn tuổi vẫn tham gia đánh bạc bị cáo xem thường pháp luật; do đó, bị cáo phải được đi cải tạo bị cáo là cần thiết. Trong vụ án này vụ án có đồng phạm giản đơn và có địa điểm công cụ, dụng cụ để cho các bị cáo tham gia đánh bạc, bị cáo T là vừa tổ chức cho đánh bạc, lấy tiền xâu và đồng thời ngồi đó để ké đánh bạc, như vậy thì phạm 02 tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc là không oan. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không cung cấp các tình tiết giảm nhẹ nào mới, các bị cáo có tiền án, tiền sự, nên việc cho các bị cáo hưởng án treo là không có tác dụng giáo dục và răn đe. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N. T. T, N. V. L, N. T. H, N. D. L, P. V. Đ, L. V. V và N. H. N, giữ y án sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST, ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Bị cáo N. T. T. T trình bày: bị cáo có cho các bị cáo khác tham gia đánh bài tại nhà và các bị cáo có cho tiền bị cáo và bị cáo dùng tiền đó để ké bài.

Bị cáo N. V. L trình bày: đúng như nội dung vụ án, bị cáo xin được hưởng án treo để nuôi 03 đứa con nhỏ ăn học và mẹ già 80 tuổi.

Bị cáo N. T. H trình bày: đúng như nội dung vụ án, bị cáo xin chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền để bị cáo còn cơ hội nuôi vợ mang bầu và con còn nhỏ.

Bị cáo N. D. L trình bày: đúng như nội dung vụ án, bị cáo xin chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền thấp nhất để bị cáo ở nhà để nuôi vợ và con ăn học.

Bị cáo L. V. V trình bày: đúng như nội dung vụ án, xin hưởng án treo vì còn lo cho mẹ già và bị cáo bị bệnh.

Bị cáo P. V. Đ trình bày: đúng như nội dung vụ án, xin được hưởng án treo để ở nhà lo cho mẹ già bị bệnh.

Bị cáo N. H. N trình bày: đúng như nội dung vụ án, xin hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, lo cho cha mẹ già và các con ăn học.

Viện kiểm sát tranh luận: qua quan điểm kết luận của Viện kiểm sát xin bảo lưu quan điểm.

#### **Lời nói sau cùng của bị cáo:**

Bị cáo N. T. T. T nói lời sau cùng: bị cáo xin quý Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo cho bị cáo.

Bị cáo N. V. L nói lời sau cùng: bị cáo xin được hưởng án treo để bị cáo làm lại từ đầu và nuôi 03 đứa con nhỏ đang đi học.

Bị cáo N. T. H nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt chuyển sang hình phạt tiền khung thấp nhất để bị cáo có cơ hội nuôi vợ đang mang bầu và con còn nhỏ, bị cáo hứa sẽ thành công dân tốt, không tham gia vào các tệ nạn xã hội khác.

Bị cáo N. D. L nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt chuyển sang hình phạt tiền khung thấp nhất để bị cáo chăm sóc cho vợ con ăn học.

Bị cáo P. V. Đ nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo ở nhà nuôi mẹ già và vợ.

Bị cáo L. V. V nói lời sau cùng: xin hưởng án treo vì còn lo cho mẹ già và bị cáo bị bệnh.

Bị cáo N. H. N nói lời sau cùng: bị cáo xin được hưởng án treo để nuôi cha mẹ già và vợ con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N. T. T. T và đồng phạm khai nhận: khoảng 10 giờ đến 11 giờ ngày 03/6/2021, N. T. T. T đã cho 15 đối tượng trong đó có; L. V. V, P. V. Đ, N. V. L, N. D. L, N. T. H, N. H. N cùng một số người khác, đánh bạc với hình thức ngẫu hứng, thắng thua bằng tiền tại nhà của T để lấy tiền tiêu; ngoài ra, T còn tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền. Sau đó, bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, với, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.360.000đ (bảy triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) và số tiền bị cáo T lấy tiền tiêu là 250.000đ (hai trăm năm mươi ngàn đồng). Do đó, cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo: N. T. T. T, L. V. V, P. V. Đ, N. V. L, N. D. L, N. T. H, N. H. N, đã phạm vào tội: Đánh bạc; theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và bị cáo N. T. T. T còn phạm vào tội: Tổ chức đánh bạc, theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ vụ lợi để có thu nhập bất chính, các bị cáo đã xem thường pháp luật. Các bị cáo tập trung lại nhà bị cáo T để sát phạt đồ đen được ăn thua bằng tiền; trong đó, có bị cáo đã bị kết án hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, nhưng vẫn tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền. Riêng bị cáo T còn có hành vi dùng nơi ở của mình để tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc. Do đó, cần xử lý các bị cáo nghiêm khắc.

[3] Các bị cáo phạm tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xử phạt các bị cáo từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù, là tương xứng; riêng bị cáo T còn phạm vào tội:

tổ chức đánh bạc, theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm, cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo chỉ có 01 năm tù. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng mức hình phạt tương xứng, không nặng đối với tất cả các bị cáo.

Hiện nay, trên địa bàn huyện V nói riêng và tỉnh Vĩnh Long nói chung, việc đánh bạc diễn biến phức tạp, có chiều hướng không giảm, nên cấp sơ thẩm bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù là cần thiết, nhằm đáp ứng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Xét thấy Quyết định của bản án sơ thẩm về mức hình phạt là có căn cứ pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm do các bị cáo thực hiện. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ, để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo hay chuyển sang phạt tiền.

[4] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của tất cả các bị cáo không được chấp nhận, nên buộc tất cả các bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo N. T. T. T, L. V. V, P. V. Đ, N. H. N, N. D. L, N. V. L, N. T. H và giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST, ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* bị cáo N. T. T. T: 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” và 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* bị cáo L. V. V: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* bị cáo P. V. Đ (C. Đ): 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* bị cáo N. H. N: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* bị cáo N. D. L: 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* bị cáo N. V. L: 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* bị cáo N. T. H: 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Tất cả 6 bị cáo N. V. L, L. V. V, P. V. Đ, N. H. N, N. D. L và N. T. H đều bị xử phạt về tội: Đánh bạc.

Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo N. T. T. T, L. V. V, P. V. Đ, N. H. N, N. D. L, N. V. L và N. T. H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND HVL: 02;
- CQTHADS HVL : 02;
- CQTHAHS HVL : 01;
- Trại giam + BC: 14;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã T T T: 05;
- UBND xã T H: 01;
- UBND thị trấn V: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lê Thành Tân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Kiều Duyên Nguyễn Văn Dũng**

**Lê Thành Tân**





